TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2018
V/v ly hôn giữa chị Đ và anh K.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Dung**
2. Bà **Quách Thị Thu Hương**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Huỳnh Minh Đ3 –** Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Xuân Lộc**.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 336/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về *việc"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 837/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 30/39A N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Minh K**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 30/52A N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Minh K tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/02/2014, giấy đăng ký số 15, quyển số 01. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K thường xuyên vắng nhà, sống vô trách nhiệm, không chăm lo vợ con. Bà đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn để duy trì hôn nhân nhưng không đạt được kết quả. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không, nếu tiếp tục chung sống sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe và hạnh phúc của bà nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh K.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ3 (nam) sinh ngày 07/7/2013. Hiện nay cháu Đ3 đang ở với bà, nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cháu Đ3, không yêu cầu ông K cấp dưỡng .

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến của ông K được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đ giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền thụ lý vụ án là đúng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, thấy rằng hôn nhân giữa chị Đ và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật hôn nhân gia đình bảo vệ. Chị Đ có yêu cầu ly hôn với anh K vì ông K thường xuyên vắng nhà và không chăm sóc vợ con, bà Đ đã cố gắn tìm biện pháp hàn gắn hôn nhân nhưng không được do đó căn cứ ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở; con chung: 01 cháu đang sống với bà Đ và được chăm sóc nuôi dạy tốt nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về cấp dưỡng không đặt ra

xem xét; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét. Trên đây là toàn bộ quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án và thủ tục: Ông Nguyễn Minh K có địa chỉ cư trú tại địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N. Ông K đã được Tòa án triệu tập nhưng ông K thường xuyên vắng nhà nên không nhận được giấy triệu tập do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông K nhiều lần tại địa chỉ nơi cư trú và tại Ủy ban nhân dân phường H theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông K là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Bà Đ và ông K tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông K thường xuyên vắng nhà, vô trách nhiệm, không chăm lo cho vợ con dẫn đến bất hòa thường hay cự cãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập nhưng ông K thường xuyên vắng nhà nên không tống đạt được văn bản tố tụng, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông K nhưng ông K không đến nên không thể tiến hành hòa giải hàn gắn cho ông K và bà Đ. Tại phiên tòa hôm nay bà Đ vẫn cương quyết xin ly hôn với ông K, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông K đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về nuôi con chung*: Bà Đ và ông K có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ3 (nam) sinh ngày 07/7/2013. Khi ly hôn, bà Đ có yêu cầu được nuôi cháu Đ3, không yêu cầu ông K cấp dưỡng. Tòa án cũng đã có văn bản xác minh về tình trạng nuôi dạy, chăm sóc cháu Đ3 tại địa phương, UBND phường H cũng có văn bản xác định cháu Đ3

được cho đi học tại trường mẫu giáo Sao Mai, điều đó cho thấy mặc dù hôn nhân giữa bà Đ và ông K rạn nứt nhưng việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Đ3 vẫn được bà Đ quan tâm đầy đủ và Hội đồng xét xử thấy rằng không nên làm sáo trộn cuộc sống của cháu Đ3 nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, bà Đ không có yêu cầu ông K cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Đ xác định không có và do xét xử vắng mặt ông K nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Minh K.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Đ3 (nam) sinh ngày 7/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông K không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Đ3 các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 007857 ngày

04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân, bà Đ không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
-UBND xã Đ1, ĐH, tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Diễm Trang